**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

Môn học: **Toán**

Tên bài học12: **Các đơn vị đo thời gian (t1)** ; Tiết:3

##### **I.Yêu cầu cần đạt**

* + Hệ thống các đơn vị đo thời gian; mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian thông dụng.
  + Vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian để thực hiện chuyển đổi, thể hiện các số đo thời gian dưới dạng số thập phân và tính toán với các số đo thời gian; giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.
  + HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

##### **II.Đồ dùng dạy học**

GV: Bộ đồ dùng học số, thẻ từ, bảng cho nội dung bài học; đồng hồ để bàn, đồng hồ bấm giờ (nếu có), tờ lịch tháng (hoặc năm).

HS: Bộ đồ dùng học số; tờ lịch tháng.

**III.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  ***- Mục tiêu:*** + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| – GV tổ chức cho HS chơi “Nêu tên đúng các đơn vị đo thời gian” ứng với mỗi đồ vật GV đưa ra.  Ví dụ:  + GV đưa tờ lịch (tháng hoặc năm);  + GV đưa ra đồng hồ để bàn (hoặc đồng hồ bấm giờ)  🡺 GV giới thiệu bài. | – HS nêu tên đúng các đơn vị đo thời gian ứng với mỗi đồ vật GV đưa ra.  + Ngày, tháng, năm, tuần lễ, thế kỉ;  + Giờ, phút, giây. |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Các đơn vị đo thời gian**  ***- Mục tiêu:***  –Hệ thống các đơn vị đo thời gian; mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian thông dụng.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| **a) Các đơn vị đo thời gian đã học**  – GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm để điền vào bảng và báo cáo kết quả.    🡺 GV lần lượt viết kết quả vào bảng.  –GV tổ chức cho các nhóm quan sát tờ lịch năm để rút ra nhận xét các tháng nào có 30 ngày, 31 ngày, 28 hoặc 29 ngày và báo cáo kết quả.  –Từ nhận xét chung của cả lớp, GV giúp HS ôn lại cách sử dụng nắm tay để nhận ra số ngày trong một tháng.  **b)Đổi đơn vị đo thời gian**  -Đổi từ đơn vị lớn hơn sang đơn vị bé hơn.  Ví dụ 1: giờ = ? phút.  – GV nhận xét (cả ba cách đều đúng) và phân tích Cách 3.  giờ = ? phút.  Cần đổi từ đơn vị nào sang đơn vị nào?  🡺Quan hệ giữa giờ và phút?  🡺Ta phải tìm gì?  🡺 Dạng bài và cách làm?  🡺 giờ = ? phút.  -Đổi từ đơn vị bé hơn sang đơn vị lớn hơn  Ví dụ 2: 216 phút = ? giờ  – GV có thể phân tích như sau:  216 phút = ? giờ.  Cần đổi từ đơn vị nào sang đơn vị nào?  🡺Quan hệ giữa phút và giờ?  🡺Để biết 216 phút là bao nhiêu giờ, ta có thể suy nghĩ như sau:  Tìm xem 216 phút gồm bao nhiêu lần 60 phút (đây cũng là bài toán Chia theo nhóm)  🡺216 phút = ? giờ. | – HS thảo luận theo nhóm để điền vào bảng và báo cáo kết quả.   |  |  | | --- | --- | | 1 thế kỉ = 100 năm | 1 tuần = 7 ngày | | 1 năm = 12 tháng | 1 ngày = 24 giờ | | 1 năm = 365 hoặc 366 ngày | 1 giờ = 60 phút | | 1 tháng = 30; 31 hoặc 28; 29 ngày | 1 phút = 60 giây |   –HS quan sát và nhận xét.  + Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 8, tháng 10, tháng 12 có 31 ngày.  Tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 có 30 ngày.  Tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày (năm nhuận).  –HS ôn lại cách sử dụng nắm tay để nhận ra số ngày trong một tháng (được học ở lớp 3).    –HS thảo luận nhóm bốn. Các em có thể nêu các cách thực hiện như sau:  Cách 1: 60 : 4 x 3 = 45 (phút).  Cách 2: giờ = 60 phút : 4 = 15 phút  4  🡺 giờ = 15 phút x 3 = 45 phút.  Cách 3: giờ = 60 phút x = 45 phút.  …  Giờ ra phút  🡺 1 giờ = 60 phút  🡺 Ta phải tìm của 60 phút  🡺 Tìm giá trị phân số của một số. Làm theo Cách 1 hoặc Cách 2  🡺3 giờ = 60 phút x = 45 phút  🡺 Vậy: giờ = 45 phút.  –HS nêu cách giải quyết:  216 phút = 216 : 60 (giờ) = 3,6 (giờ).  Phút ra giờ.  🡺60 phút = 1 giờ  🡺216 phút = 216 : 60 (giờ) = 3,6 giờ  🡺Vậy: 216 phút = 3,6 giờ. |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu:  –Vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian để thực hiện chuyển đổi, thể hiện các số đo thời gian dưới dạng số thập phân và tính toán với các số đo thời gian; giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm. | **–Tìm hiểu bài, nhận biết:**  Câu a: Đổi từ đơn vị lớn hơn ra đơn vị bé hơn;  Câu b: Đổi từ đơn vị bé hơn ra đơn vị lớn hơn.  –HS làm bài cá nhân rồi trao đổi kết quả trong nhóm đôi.  a) giờ = 24 phút 45 phút = 2 700 giây  2 năm rưỡi = 30 tháng  b) 36 tháng = 3 năm 36 giờ = 1,5 ngày  10 800 giây = 180 phút = 3 giờ  – HS giải thích cách làm.  Ví dụ:  a) 2 năm rưỡi = ? tháng  Giải thích:  Đổi từ năm ra tháng  🡺1 năm = 12 tháng  🡺2 năm rưỡi tức là 2,5 năm  🡺12 x 2,5 = 30 tháng  🡺2 năm rưỡi = 30 tháng.  HS cũng có thể lập luận:  2 năm rưỡi tức là 2 năm và nửa năm (6 tháng)  🡺2 năm rưỡi = 12 x 2 + 6 (tháng) = 30 tháng.  b) 10 800 giây = ? phút = ? giờ Giải thích:  Dấu “=” thứ nhất:  Đổi từ giây ra phút  🡺60 giây = 1 phút  🡺10 800 giây = 10 800 : 60 (phút)  = 180 phút.  Dấu “=” thứ hai: Đổi từ phút ra giờ  🡺60 phút = 1 giờ  🡺180 phút = 180 : 60 (giờ) = 3 giờ.  Vậy: 10 800 giây = 180 phút = 3 giờ.  … |
| **Bài 2:**  –Khi sửa bài, GV khuyến khích HS trình bày cách thực hiện. | –HS nhận biết yêu cầu: Viết số vào chỗ chấm khi chuyển đổi số đo có 2 đơn vị đo thời gian về số đo có một đơn vị đo thời gian.  –HS thực hiện cá nhân, rồi trao đổi kết quả theo nhóm đôi.  a)  1 giờ 15 phút = 75 phút  6 phút 6 giây = 366 giây  2 giờ 45 giây = 7 245 giây  b)  3 năm 4 tháng = 40 tháng  5 ngày 7 giờ = 127 giờ  2 tuần 5 ngày = 19 ngày  – HS trình bày cách thực hiện. Ví dụ:  a) 1 giờ 15 phút = 75 phút.  (Vì 1 giờ = 60 phút;  60 phút + 15 phút = 75 phút.)  b) 2 tuần 5 ngày = 19 ngày.  (Vì 1 tuần = 7 ngày;  2 tuần = 7 ngày x 2 = 14 ngày;  14 ngày + 5 ngày = 19 ngày.)  … |
| **Bài 3:**  –GV yêu cầu HS đọc đề; GV nhắc lại yêu cầu đổi đơn vị bé hơn ra đơn vị lớn hơn; số cần điền là số thập phân.  –Khi sửa bài, GV khuyến khích HS trình bày cách thực hiện. | – HS thực hiện cá nhân, rồi trao đổi nhóm đôi.  a)45 phút = giờ 138 giây = 2,3 phút  b)6 giờ = 0,25 ngày 42 tháng = 3,5 năm  – HS trình bày cách thực hiện.  Ví dụ:  b)42 tháng = 3,5 năm.  (Vì 12 tháng = 1 năm;  42 tháng = 42 : 12 (năm) = 3,5 năm.)  … |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4:**  –GV gợi ý cách so sánh: Đưa về cùng một đơn vị đo rồi so sánh.  –Khi sửa bài, GV khuyến khích HS trình bày cách làm. | –HS nhận biết việc cần làm:  Điền dấu >, <, =.  –HS làm bài cá nhân, rồi chia sẻ với bạn.  a) thế kỉ > 40 năm  b) Nửa năm > 5 tháng  c)7,5 ngày > 75 giờ  d)1 năm thường = 52 tuần 1 ngày  – HS trình bày cách làm.  Ví dụ:  a) thế kỉ > 40 năm  (Vì 1 thế kỉ = 100 năm;  thế kỉ = 100 x (năm)= 75 năm,  75 năm > 40 năm.)  … |
| -GV nhận xét tiết học, tuyên dương  -Dặn dò | -HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………..…………………………………………………..

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….